

SỰ ĐỘC ĐÁO CỦA KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT TRONG CÁC SÁNG TÁC CỦA LỖ TẤN

TS. ĐỖ TIẾN QUÂN¹

¹ Học viện Khoa học Quân sự ✉ quandomn@yahoo.com

Ngày nhận: 12/01/2017; Ngày hoàn thiện: 25/01/2017; Ngày duyệt đăng: 26/01/2017

Phản biện khoa học: PGS.TS. PHẠM NGỌC HÀM

TÓM TẮT

Trong sự nghiệp sáng tác của Lỗ Tấn, cảm quan về không gian luôn gắn liền với cảm quan về con người, cuộc đời và xã hội, gắn liền với mơ ước, lý tưởng và chủ nghĩa hiện thực mà nhà văn hằng theo đuổi. Bài viết nghiên cứu không gian nghệ thuật trong các sáng tác của Lỗ Tấn dựa trên hai thể loại không gian chính là không gian tự nhiên và không gian xã hội, làm rõ những đặc điểm của hiện thực xã hội và quan niệm về cuộc sống đương thời của nhà văn, từ đó góp phần làm nổi bật sức cuốn hút nghệ thuật độc đáo của phong cách sáng tác Lỗ Tấn.

Từ khóa: không gian nghệ thuật, Lỗ Tấn, sáng tác.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lỗ Tấn (1881-1936) được coi là người đặt nền móng cho văn học hiện đại Trung Quốc, cũng là người có ảnh hưởng lớn trong lịch sử văn học Trung Quốc thời kỳ này. Lỗ Tấn đã để lại cho đời nhiều tác phẩm có giá trị hết sức to lớn, đem lại sự cách tân đáng kể cho văn học Trung Quốc cả về nội dung và hình thức, trong đó, không gian nghệ thuật trong các sáng tác của ông được soi rọi bằng tư tưởng tiên tiến và tình cảm tha thiết với quốc gia, dân tộc, được nhào nặn, trau chuốt, tái tạo thành một phong cách nghệ thuật độc đáo đầy chất sáng tạo. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tập trung làm rõ sự độc đáo của không gian nghệ thuật trong các sáng tác của Lỗ Tấn trên hai phương diện không gian tự nhiên và không gian xã hội, góp phần tìm hiểu sâu hơn về phong cách sáng tác của nhà văn hiện đại Trung Quốc nổi tiếng này.

Khi nghiên cứu không gian nghệ thuật trong các sáng tác của Lỗ Tấn, có thể nhận ra, Lỗ Tấn luôn chú trọng khai thác không gian nghệ thuật trong quá trình khám phá những tính cách, những tình cảnh của nhân vật và hiện thực cuộc sống xã hội đương thời, đặc biệt, ông luôn đau đầu nỗi niềm làm thế nào

để thức tỉnh “người dân đen trong cơn lửa hung tàn”. Trong không gian nào những vấn đề nhân sinh này tồn tại, ẩn dấu sau không gian đó là gì? Thiếu câu trả lời về vấn đề này, khó có thể hiểu sâu sắc những đặc điểm của chủ nghĩa hiện thực và quan niệm về cuộc đời, quan niệm về con người của Lỗ Tấn.

2. KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT TRONG CÁC SÁNG TÁC CỦA LỖ TẤN

2.1. Không gian tự nhiên

Trong truyện ngắn của Lỗ Tấn, không gian tự nhiên được xuất hiện không những phù hợp với khung cảnh tự nhiên thực tế, mà còn luôn thể hiện được yếu tố tình cảm mà tác giả muốn gửi gắm trong đó, đồng thời có mối quan hệ nhất định với bối cảnh xã hội đương thời. Trong không gian này, có thể thấy nhà văn thường tập trung vào ba cảnh chính: Không gian mùa đông, không gian đêm, không gian tuyết.

2.1.1. Không gian mùa đông

Trong các sáng tác của Lỗ Tấn, tự sự về không gian cơ bản đều dựa trên cơ sở không gian thực tế, và không



gian vùng Giang Nam những năm đầu thế kỷ 20 luôn được nhắc đến với cảnh mùa đông u ám, sầu thảm. Mùa đông hiện ra đầy lạnh lẽo, tiêu điều, và luôn luôn là lúc lạnh nhất, băng giá nhất, còn cảnh chớm đông thì không bao giờ thấy xuất hiện, giống như cảnh sống của kiếp người cũng đang trong thời kỳ lạnh lẽo, băng giá của xã hội đang phủ vây xung quanh, đây chính là chủ đích của tác giả ẩn dấu sau từng đoạn văn, ví dụ như trong “Cổ hương” có đoạn:

“Lúc này đã là giữa đông, càng đi gần về quê, càng thấy thời tiết u ám, gió rét rìn rít thổi vào trong thuyền, từ khe hở nhìn ra, thấy dưới khoảng trời vàng vọt kia thấp thoáng mấy thôn làng bỏ hoang tiêu điều, không có một chút sức sống, dù là nhỏ nhất. Trái tim tôi cũng trở nên sầu thảm.”¹

Đây là đoạn miêu tả cổ hương của Lỗ Tấn trong cảnh đông lạnh lẽo, chỉ bằng một vài nét chấm phá, cổ hương đã hiện ra với cảnh sắc “tiêu điều, không có một chút sức sống”. Cảnh tượng này hoàn toàn trái ngược lại với những ký ức “đẹp đẽ”, “đắt tốt” thời xa xưa của quê hương trong lòng tác giả. Cảnh tượng mùa đông đó hoàn toàn tương ứng với tâm trạng của nhân vật tự xưng là “Tôi” trong truyện, khi đã sớm phải rời bỏ quê hương ra đi tìm kế sinh nhai, qua bao thời gian lại phải mang theo nỗi thất vọng chán chường và tâm trạng bi ai khi trở về cổ hương. Sự thê thảm của hiện thực cùng với cảnh sắc tiêu điều của quê hương đã làm tan biến hình ảnh tốt đẹp của người bạn thời niên thiếu Nhuận Thổ thuở nào, giờ đây chỉ còn lại một anh chàng nông dân rúm ró trong sự đần độn, chậm chạp và đờ đẫn. Nhuận Thổ đã thay đổi rất nhiều từ hình dáng bên ngoài cho đến tâm hồn bên trong. Được gặp lại bạn, anh ta rất vui mừng, muốn được vô tư nói cười với “Tôi” như ngày xưa, nhưng một cái hố sâu vô hình xuất hiện đã ngăn cách hai người - hố sâu của địa vị xã hội: “Nhuận Thổ đứng dừng lại, nét mặt như vừa hờn vừa thê lương, môi mấp máy, nhưng cũng không thốt thành tiếng, rồi bỗng anh ta cất tiếng chào rất rành mạch với một điệu bộ cung kính: Bẩm ông”. Một tiếng “Bẩm ông” bật lên từ miệng Nhuận Thổ đủ để nhân vật “Tôi” biết rằng, vĩnh viễn không thể nào xóa nhòa được sự ngăn cách đó. Đến đây người đọc không thể không tự hỏi, đây là cổ hương hay là nơi đất khách quê người? Trong sự tiêu điều và lạnh lẽo của mùa đông đó, đứng trước cảnh sắc thê lương của cổ hương và nỗi thống khổ của Nhuận Thổ, “Tôi” dường như chỉ có thể chọn cách chạy trốn, hoặc gửi hi vọng mơ hồ vào lớp người sau như Thủy Sinh - con của Nhuận Thổ. Sự bất lực đó được nâng lên thành nỗi đau, đi cùng với những buổi

giá của mùa đông dường như đã ăn sâu vào trong cốt tủy của con người. Có thể thấy, mùa đông cũng chính là không gian mà cuộc sống đối mặt với những sức mạnh không thể chống lại được, là lúc mà hi vọng bị bóp nghẹt một cách vô tình, cũng là lúc ý chí tự do của con người bị hủy diệt một cách tàn nhẫn.

2.1.2. Không gian đêm

Ngày và đêm là trình tự mà con người đều phải trải qua hàng ngày, trong các sáng tác của Lỗ Tấn, tuy chúng ta khó có thể tìm thấy sự giao thoa giữa ngày và đêm, nhưng không gian đêm lại luôn được tác giả khắc họa một cách nổi bật.

Trong truyện ngắn “Thuốc”, đêm thật là yên tĩnh “ngoài những con vật đi ăn đêm, tất cả đều đang ngủ say cả”, nhưng cũng đúng vào lúc “tất cả đều đang ngủ say” này, Lão Hoa Thuyên trở dậy, mang trên vai trọng trách đi mua phương thuốc “thần dược” trị căn bệnh nan y của con trai, trọng trách này dường như rất vĩ đại, nhưng thực tế rất ngu muội và bi thương, vì phương thuốc đó thấm đầy máu của người chiến sĩ cách mạng Hạ Du. Trong đêm tối, khi Lão Hoa Thuyên dùng tất cả số tiền tích góp bấy lâu để đi mua thuốc (bánh bao thấm máu tử tù) thì “trời lạnh hơn trong nhà nhiều nhưng lão cảm thấy sáng khoái như bỗng đứng mình trẻ lại và được ai ban cho phép thần thông cải tử hoàn sinh”. Tuy nhiên, cuối cùng cái chết vẫn đến với con trai lão. Cảnh Hạ Du bị chém đầu cũng xảy ra vào lúc “nửa đêm về sáng của một ngày mùa thu”. Hạ Du hi sinh khi chưa kịp nhìn thấy ánh bình minh. Trong không gian đó, “trăng lặn rồi, nhưng mặt trời chưa mọc, chỉ còn lại một bầu trời xanh xám xịt”. Chính ở đây, tác giả làm nổi bật sự nhận thức lạc hậu, tinh thần mê muội và tàn nhẫn của con người cũng như không gian ảm đạm này. Cần chú ý là, cảnh “nửa đêm về sáng của một ngày mùa thu” mở đầu câu chuyện được khắc họa hết sức ấn tượng. Trong tiếng Trung Quốc, chữ “sầu” (愁) (buồn bã) dạng Hình thanh kiêm Hội ý gồm có chữ “thu” (秋) ở trên và chữ “tâm” (心) ở dưới. Thời cổ đại, mùa thu thường cũng chính là lúc mùa gặt hái kết thúc, mùa đông băng giá sắp đến, cây cỏ tàn úa khô héo, do đó, khi đặt chữ “thu” treo lên trên trái tim (“tâm”) con người, thì con người tất yếu sẽ trở nên ưu sầu. Phải chăng chính vì thế mà mùa thu trong thơ văn cổ đại Trung Quốc thường được hiện ra dưới dáng vẻ như là định mệnh buồn bã, thê lương, ảm đạm, lạnh lẽo, giống như tác phẩm “Cửu biện” (九辯) của Tống Ngọc thời Chiến quốc, “Thu thanh phú” (秋声赋) của Âu Dương Tu (欧阳修) thời Tống... Ngay cả trong hơn

60 bài thơ của mình, có 10 bài Lỗ Tấn đề cập đến cảnh mùa thu. Dưới ngòi bút của ông, mùa thu là mùa mà con người và vạn vật tiêu điều, xơ xác, lay lắt trong kiếp nạn của dân tộc, cũng là lúc mà biết bao người chí sĩ phải bị chìm đắm trong tuyệt vọng bi thương. Đêm thu trong tác phẩm “Thuốc” cũng chính là một không gian như thế, nó là khởi đầu của sự bất hạnh: Bất hạnh của thân phận người lao động nghèo khổ như gia đình Lão Hoa Thuyên, bất hạnh của thân phận người chiến sĩ cách mạng Hạ Du... suy rộng ra là bất hạnh của ngàn vạn kiếp người trong xã hội. Từ đó, có thể thấy sự nhất quán của nhà văn trong nghệ thuật miêu tả luôn được chú ý đến mức nào.

Trong “Ngày mai”, cái chết của Bảo Nhi giáng một đòn mạnh mẽ vào chị Tư Thiện, chị khóc lóc vật vã rất nhiều, nhưng điều này ban ngày không làm cho người đọc cảm thấy lạ, chỉ đến khi màn đêm buông xuống, khi người khác đã ra về hết, cái cảm giác cô độc, không biết bầu vú vào đâu làm cho chính chị Tư Thiện cũng cảm thấy “lạ thường”: “Căn phòng đột nhiên thật tĩnh lặng... làm cho chị dường như bị nghẹt thở”. Dưới ngòi bút của Lỗ Tấn, bóng đêm và sự yên lặng đồng hành với sự cô độc khi Bảo Nhi qua đời được chuyển tải lặng lẽ từ chị Tư Thiện đến trái tim người đọc. Qua không gian đêm, sự bi thương đó gây được ấn tượng mạnh mẽ, khắc sâu số phận buồn đau của một kiếp người, cũng giống như cuối cùng, Lỗ Tấn viết: “Lỗ trấn lúc này đã hoàn toàn tĩnh lặng, chỉ có màn đêm tăm tối muốn chuyển sang ngày mai nên vẫn đang bôn ba trong sự tĩnh lặng đó, và vài con chó cũng đang sủa ong ồng trong góc tối nào đó”.

Bóng đêm trong tác phẩm “Nhật ký người điên” được xuất hiện nhiều lần, xuyên suốt tác phẩm là cái lạnh lẽo, tăm tối của đêm đen trải dài không dứt. Từ lúc nhân vật “Tôi” phát hiện bí mật “ăn thịt người”, rồi đi khuyên nhủ người khác, rồi đành phải tiếp tục thả mình vào bóng đêm mà ngay cả “ánh trăng mà tôi mong mỗi cũng không thấy... chỉ thấy một màu đen xì, không biết là ngày hay đêm”. Người điên bị rơi vào hoàn cảnh hỗn loạn, trong khi tự chất vấn bản thân, phát hiện mình chính là kẻ “ăn thịt người”, cuối cùng, giữa sự tuyệt vọng và hi vọng, phát ra lời kêu gọi “cứu lấy con trẻ”. Dưới ngòi bút của Lỗ Tấn, bóng đêm phô bày trước mắt độc giả một hoàn cảnh xã hội đen tối với hình ảnh con người đầy ngu muội. Sự tự chất vấn bản thân của người trí thức trong đêm đen cũng chỉ ra những mặt trái của nhân tính mà xã hội Trung Quốc đương thời luôn tìm cách che đậy. Trong xã hội đó, biết bao người trí thức, chí sĩ, hiền tài muốn cứu nước, cứu dân, nhưng lại bị coi là kẻ điên khùng. Bối cảnh đầy rẫy

sự đen tối và ngu muội đó làm cho những con người này hoặc luôn phải đấu tranh chống lại, hoặc vùng vẫy để thoát ra, và cuối cùng có người thì kiên trì được con đường mình đã chọn, có người thì “khỏi bệnh” sau khi đã hoàn toàn tuyệt vọng. Bóng đêm ở đây suy rộng ra là sự phê phán sắc bén đối với xã hội đương thời.

Tuy nhiên, bóng đêm trong sáng tác của Lỗ Tấn cũng có lúc được ánh sáng mặt trời xua tan phần nào sự tăm tối, đó là khi Lão Hoa Thuyên mua được “thuốc”: “Mặt trời cũng đã mọc, trước mặt, hiện ra một con đường lớn đi thẳng về nhà lão”. Đó không phải là con đường thực sự, mà là con đường trong tâm tưởng, con đường của hi vọng, của sự sống. Dưới góc độ nhất định, có thể hiểu rằng, nếu biết dùng đúng thuốc cho căn bệnh của dân tộc, và tranh thủ được sức mạnh của quần chúng nhân dân, thì con đường cứu nước cứu dân sẽ ngày càng sáng rõ, và đêm đen kia cũng chỉ là tạm thời do nhân dân còn mỏng muội, chưa có phương thuốc đúng đắn chỉ đường dẫn lối.

2.1.3. Không gian tuyết

Là không gian đi kèm với mùa đông, tuyết ở Giang Nam không nhiều như ở miền Bắc, có lúc, tuyết Giang Nam chỉ là nguồn cảm hứng thẩm mỹ cho thị giác mà thôi. Nhưng trong các sáng tác của Lỗ Tấn, tuyết được hiện ra như một sản vật của cái lạnh băng giá mùa đông, hiu hắt, ngột ngạt, có lúc mang theo hơi thở của thần chết.

Trong tác phẩm “Chúc phúc”, khi mọi người chuẩn bị “chúc phúc”, thì cũng là lúc tuyết đã rơi trắng trời: “Sắc trời ngày càng tối lại, buổi chiều chợt có tuyết rơi, những bông tuyết to như hoa mai bay khắp trời”. Tuyết rơi sau khi sắc trời đã “tối lại”, làm cho người đọc có cảm giác tuyết không phải là điềm lành cho năm mới, mà đó là sản vật của sự tăm tối. Đồng thời, tuyết càng phủ một tấm màn lạnh lẽo vào cảnh đời bạc phận của chị Tường Lâm, trong lúc chị đang đói rét giống như kẻ ăn mày, thì tuyết rơi càng làm tăng thêm vẻ rờn rợn, cô độc và sợ hãi của nhân vật trong lúc vật lộn với cái chết. Đêm thì rất dài và tuyết thì quá lạnh lẽo, đó dường như chính là cái xã hội mà con người đang sống. Do tác giả thường áp dụng thủ pháp miêu tả bỏ qua trình tự thời gian, vì thế tuyết trong tác phẩm được liên tiếp xuất hiện, làm cho độc giả luôn cảm thấy sự tồn tại của nó. Tuyết tạo thành một vòng khép kín, giống như cái xã hội mà chị Tường Lâm đang phải trải qua trong mùa đông dài dằng dặc bắt đầu bằng sự lạnh lẽo, từ tuyết rơi đến băng giá, từ sự băng giá đến cái chết.



Trong tác phẩm “Trong quán rượu”, khi nhân vật “Tôi” từ biệt Lã Vi Phủ, hai người có cảm giác hoàn toàn khác khi đối mặt với cảnh tuyết rơi: “Tôi đi một mình về hướng quán trọ, gió rét và bông tuyết tấp thẳng vào mặt... nhìn sắc trời đã là hoàng hôn, nhà cửa và phố xá như đều bị ngập chìm trong một màn tuyết trắng xóa không có hình dáng rõ ràng”, “Sau này? Tôi không biết, anh hãy xem lại những dự định ngày trước của chúng ta, có thực hiện được việc nào như ý không? Bây giờ tôi không biết gì cả, ngay cả ngày mai, phút sau ra sao tôi cũng không biết”. Cuộc nói chuyện của hai người làm cho người đọc có cảm giác nghẹt thở, hoàn toàn không có sinh khí và hi vọng, mà chỉ mang đầy hàm ý trách móc, oán hờn. Đây cũng giống như bầu không khí của xã hội đang ngày ngày đè nặng lên tâm tưởng của con người, không có lối thoát.

2.2. Không gian xã hội

Không gian xã hội ở đây chỉ trường không gian mà con người đang sống. Trong các sáng tác của mình, Lỗ Tấn thường tập trung nhiều vào không gian xã hội và coi đó là một trong những trọng tâm trong nghệ thuật tự sự của mình. Nếu xét trên phạm vi lớn, không gian xã hội trong các sáng tác của Lỗ Tấn chủ yếu tập trung vào không gian đô thị, không gian nông thôn; xét trên phạm vi nhỏ, không gian quán trà, quán rượu, không gian nghĩa địa, không gian miếu, từ đường... chiếm tỉ trọng tương đối lớn, việc “đóng khung” câu chuyện trong một không gian khép kín như vậy có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng hình tượng nhân vật và bộc lộ ý định sáng tác của tác giả.

2.2.1. Không gian trên phạm vi lớn

- Không gian đô thị

Không gian xã hội trong sáng tác của Lỗ Tấn chủ yếu là đô thị và nông thôn, điều này phù hợp với đặc điểm môi trường mà tác giả sống. Không gian đô thị luôn được xuất hiện phù hợp với chủ đề câu chuyện và ý đồ sáng tác, giống như tiểu thuyết “Một việc nhỏ” có đoạn viết: “Từ lúc rời xa quê nhà đến kinh thành, thấm thoát đã là sáu năm”. Bối cảnh câu chuyện xảy ra thời “năm thứ 6 Trung Hoa Dân quốc” (1917), khi đó kinh thành Bắc Kinh tuy không phồn thịnh như Thượng Hải, nhưng cũng là một trong những thành phố có dân số đông, kinh tế phát triển của Trung Quốc. Thế nhưng trong tác phẩm này, người đọc không thể tìm thấy một câu nào miêu tả cảnh phồn hoa đô thị, trừ sự tự thuật của nhân vật “Tôi” trong truyện, người đọc cũng không cảm nhận được một

chút gì về đặc điểm của thành phố này, càng không xem được bất kỳ cảnh sắc nào của nó, mà chỉ là sự cảm nhận của nhân vật “Tôi” về đô thị và sự thay đổi của chính bản thân mình: “Khiến cho tôi ngày càng coi thường người khác”. Không gian đô thị làm cho quan hệ giữa người với người trở nên lạnh nhạt. Mặt khác, sự so sánh ngầm không gian đô thị với không gian nông thôn làm cho người đọc thấy rõ, sau khi trải qua “một việc nhỏ”, có thể “làm cho tôi cảm thấy xấu hổ, thúc giục tôi thay đổi, đồng thời giúp tôi tăng thêm dũng khí và hi vọng”. Điều cần nói thêm rằng, dù lấy bối cảnh là năm 1917, nhưng trên thực tế, khi nhà văn viết tác phẩm này (năm 1919), thì cũng là lúc Cách mạng tháng Mười Nga và Phong trào Ngũ Tứ đã nổ ra. Sự thay đổi của cán cân lực lượng các giai cấp trong xã hội và xu thế phát triển của thời đại đã làm cho những người trí thức đương thời như Lỗ Tấn nhận ra vai trò của nhân dân lao động, nhìn thấy ở họ hi vọng cách tân cho dân tộc Trung Hoa, trong không gian đó, ý nghĩa xã hội của “Một việc nhỏ” trở nên hết sức sâu sắc.

“Câu chuyện về tóc” cũng xảy ra tại Bắc Kinh, khi bàn luận về “tết mừng mười tháng mười”, bàn luận về việc quốc gia đại sự, thì bàn đến chuyện tóc, rồi bàn đến tính dân tộc của nhân dân. Cũng chính do sự trấn áp kinh hoàng của nhà cầm quyền vẫn diễn ra hàng ngày hàng giờ bên cạnh, nên làm cho “Tôi” và tiền bối “N tiên sinh” bàn luận việc “thay đổi” Trung Quốc trong một tâm trạng xúc động và tức giận. Còn trong “Tết Đoan Ngọ” lại là câu chuyện về một bộ phận giới trí thức có vẻ cấp tiến, dám tức giận nhưng không dám cất tiếng tranh đấu với sự trấn áp của chính quyền quân phiệt Bắc Dương, tiêu biểu là tiên sinh Phương Huyền Xước.

Có thể thấy, Lỗ Tấn nhiều lúc không tốn quá nhiều giấy mực để miêu tả trực quan bối cảnh không gian đô thị, nhưng với bút pháp nghệ thuật miêu tả gián tiếp độc đáo, lồng ghép một cách hợp lý, chủ đề của tác phẩm được bộc lộ một cách rõ nét. Không gian đô thị đó cũng thể hiện một cách khéo léo mà cụ thể. Hiện thực đô thị, hiện thực nhân sinh cứ hiện ra lạnh ngắt như hình khối và dáng vẻ vốn có của nó.

- Không gian nông thôn

Không gian nông thôn là không gian xuất hiện thường xuyên nhất trong các sáng tác của Lỗ Tấn, nông thôn trong tác phẩm của nhà văn được hiện ra bằng thủ pháp của chủ nghĩa hiện thực phê phán sâu sắc với mong muốn thay đổi con người và xã hội đương thời.

Là người sinh ra tại nông thôn, Lỗ Tấn rất am hiểu cuộc sống tại làng quê. Từ đó, những miêu tả về quê hương của ông cũng mang một nét rất riêng, rất sâu sắc, giống như cảnh làng Mùì và Lỗ trấn luôn là hình ảnh thu nhỏ của cuộc sống mà tác giả đã trải qua, đồng thời lồng ghép trong đó là sự phê phán cũng hết sức sâu xa. Khi nghiên cứu về vấn đề này, các nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc như Trương Văn Nặc, Trương Chí Trung đều cho rằng, Lỗ Tấn đã dùng chính những trải nghiệm của bản thân khi viết về chủ đề nông thôn (张文诺, 2011; 张志忠, 2013). Tiêu biểu nhất, thành công nhất là không gian nông thôn trong tiểu thuyết “A Q chính truyện”, một không gian thấm đẫm tư tưởng tông pháp phong kiến và những quan niệm ngu muội của người dân bị đè nén, bị áp bức và trở thành bi kịch đối với kiếp người. Cũng chính trong không gian như thế, Lỗ Tấn phơi bày bản chất linh hồn của con người sinh sống ở làng quê, suy rộng ra là linh hồn của cả dân tộc cho người đọc thấy, những bi kịch của nhân vật trong truyện cũng chính là bi kịch của những con người thực tại. Trong “A Q chính truyện”, cụ cố họ Triệu chính là kẻ độc tài đại diện cho chế độ tông pháp phong kiến. Chỉ bằng cơn nóng giận của mình: “Mày là người họ Triệu thế nào được kia chứ? Mày là họ Triệu vào cái ngữ nào”, cụ đã có thể tước bỏ quyền mang họ Triệu của A Q mà không vấp phải bất cứ ý kiến trái ngược nào. Ngay cả đối với A Q, thì những câu này cũng trở thành mệnh lệnh tuyệt đối. Theo quan niệm của tông pháp truyền thống, những người có địa vị như cụ cố họ Triệu là tượng trưng cho quyền lực, còn cho dù là AQ, hay bất kỳ người nào khác thuộc giai cấp nông dân - những người dưới đáy xã hội, chỉ có thể hiện ra bằng sự vô vị, trống rỗng, mê muội và mù quáng. Trong một xã hội như thế, những con người khốn khổ như A Q chỉ có thể cam chịu, dần dần biến mình thành kẻ tự lừa dối bản thân mình, tự thỏa hiệp với chính mình một cách ngây ngô, dẫn đến bi kịch của kiếp người mà không biết bao giờ mới có thể thoát khỏi. Có thể nói, không gian nông thôn trong A Q chính truyện không có chút sinh khí nào hết, mà khắp nơi là sự bức bối, đè nén, ngu muội, nhẫn nhục và chịu đựng đến tột cùng. Sự phê phán đối với quốc dân như thế chiếm lượng lớn trong tác phẩm, ẩn dấu sau không gian đó là lời kêu gọi sự thức tỉnh của nhân tâm trước quốc nạn của dân tộc, đây cũng chính là tư tưởng chủ đạo của nhà văn khi sáng tác tiểu thuyết này.

Không gian nông thôn dưới ngòi bút của Lỗ Tấn còn được hiện ra với vẻ lạ lẫm, lạ lẫm ngay cả đối với chính bản thân người vốn xuất thân từ làng quê như Lỗ Tấn cũng “cảm thấy phương Bắc không phải là cố hương,

nhưng khi đến miền Nam thì cũng chỉ được coi là một người khách”. Đôi khi, sự hồi tưởng về cố hương được hiện ra không thể lượng như trong hiện thực, ví dụ như trong tác phẩm “Kịch làng” miêu tả một không gian nông thôn đầy sức sống với các nhân vật hoạt bát, năng động, cảnh sắc tự nhiên cao nhã, tất cả đều mang hơi thở đặc trưng của một làng quê Trung Quốc truyền thống, yên bình như trong đồng thoại, nhưng tất cả đó đều là không phải hiện thực, và tác giả chỉ có thể giữ chặt điều đó trong ký ức mà thôi. Đây cũng là tấm gương phản ánh sự đối lập của quá khứ và hiện thực, làm cho không gian nông thôn trong sáng tác của Lỗ Tấn trở nên toàn diện và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đồng thời, thông qua nghệ thuật tự sự về không gian nông thôn này, Lỗ Tấn còn muốn chỉ ra, nếu muốn cứu rỗi linh hồn của nhân dân Trung Quốc trong lúc dầu sôi lửa bỏng, thì một trong những điều cần làm là không được bỏ rơi nông thôn và người dân nơi đây, suy cho cùng, gốc gác của những điều tốt đẹp của con người vẫn còn nằm sâu ở đâu đó ở không gian nông thôn, không gian mà đại đa số người Trung Quốc đương thời đã và đang sinh sống.

2.2.2. Không gian trên phạm vi nhỏ

Trong các sáng tác của Lỗ Tấn, chúng ta thường thấy xuất hiện những không gian như không gian quán trà, quán rượu, không gian nghĩa địa... Đây là không gian cụ thể, hoặc có thể nói là không gian cục bộ trong các sáng tác của Lỗ Tấn, là nhân tố quan trọng để Lỗ Tấn triển khai các tình tiết trong câu chuyện.

- Không gian quán trà, quán rượu

Quán trà và quán rượu là hai không gian xuất hiện liên tục trong các tác phẩm như “Khổng Ất Kỷ”, “Thuốc”, “A Q chính truyện”, “Phong ba”, “Ngày mai”, “Trong quán rượu”... để lại nhiều ấn tượng sâu sắc cho người đọc. Có thể thấy, quán trà, quán rượu mang đầy đủ đặc trưng không gian sinh sống của con người tại các đô thị nhỏ trong xã hội Trung Quốc thời cận đại, là địa điểm tập trung bàn luận chuyện đời, chuyện người... của cư dân. Trong những năm đầu của thế kỷ 20 đó, cho dù là khu vực kinh tế phát triển như Giang Nam hoặc chậm phát triển như vùng Tứ Xuyên, hoặc vùng biên thùy xa xôi hẻo lánh, đều thấy xuất hiện quán trà, quán rượu. Nhà phê bình văn học Dương Nghĩa cũng chỉ ra: “Trong xã hội cũ của Trung Quốc, văn hóa quán trà, quán rượu hết sức thịnh hành... Văn hóa “Lỗ trấn” mà Lỗ Tấn viết, đa phần chính là văn hóa quán trà, quán rượu, cũng giống như các nhà văn phương Tây khi viết về văn hóa, thì luôn thấy xuất hiện cảnh



vũ hội, quán cà phê, sa lông... đó chính là văn hóa của họ” (杨义, 1998). Vì thế, quán trà, quán rượu xuất hiện trong sáng tác của Lỗ Tấn trở thành một không gian rất đời thực, như mặc nhiên nó phải như vậy.

Quán trà trong tác phẩm “Thuốc” cũng là một không gian như thế. Đây là nơi mà các tình tiết của câu chuyện được bổ sung, triển khai rộng khắp, và cũng là nơi mà hình tượng nhân vật được bộc lộ một cách rõ ràng hơn. Trong những cuộc nói chuyện tại quán trà đó, lão Hoa Thuyên là một người lắng nghe chân thành, còn đao phủ Khang đại thúc - một kẻ dã man, ngu muội lại trở thành người kể chuyện có uy quyền, và quần chúng trở thành người ủng hộ những giọng điệu, lời lẽ của gã đao phủ đại diện cho thế lực đang nắm quyền điều hành đất nước, cùng đưa ra nhận định Hạ Du là “đồ điên cuồng”. Từ đây, sự đánh giá đối với người cách mạng Hạ Du đã được đóng khung, đồng thời, quan niệm về hiệu quả thần kỳ chữa khỏi bệnh nan y của chiếc bánh bao thấm máu người cũng được tuyên truyền rộng khắp quần chúng nhân dân. Không gian quán trà làm nổi bật hàm ý đau xót của tác giả trước căn bệnh nan y - “tâm bệnh” của quốc dân một thời tăm tối.

Quán rượu là nơi có chức năng giải trí và tiêu khiển tại các thị trấn nhỏ, nơi mà cuộc sống người dân đa phần không giàu có, nhưng vẫn có nhu cầu giao lưu, giải trí với chi phí thấp sau những giờ làm việc, họ tìm đến không gian này như một nơi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đó, và đây cũng là nơi thể hiện rõ tâm thế của xã hội và quần chúng đương thời. Trong tác phẩm “Khổng Ất Kỷ”, quán rượu Hàm Hanh chính là một nơi như thế, một nơi mà những con người có thu nhập thấp tìm cách giết thời gian của mình. Là một người trí thức nửa vời, Khổng Ất Kỷ có cái buồn của người nghèo, có tri thức của kẻ sĩ, lại có nỗi niềm cay đắng của kẻ không gặp thời và không có đất dụng võ. Cũng chính trong một hoàn cảnh như thế, Khổng Ất Kỷ trở thành chủ đề đàm tiếu của khách trong quán rượu hàng ngày, và bi kịch của nhân vật này cũng đến từ miệng của những con người này. Trong tiểu thuyết “Ngày mai”, quán rượu Hàm Hanh lại là nơi để say của lão Củng. Việc làm cho khách say là một trong những chức năng quan trọng của quán rượu. Hiện thực cuộc sống đầy áp bức, bất công, đen tối làm cho nhiều con người dưới đáy xã hội lựa chọn uống say như một hoạt động thường ngày trong cuộc sống, nhằm làm cho họ tạm quên đi những đau khổ, buồn đau đang trĩu nặng, thế nhưng đối với chị Tư Thiện, ngày mai vẫn là khổ đau, và đối với lão Củng, ngày mai vẫn phải

uống say, và ngày mai dường như là một sự trông đợi mỗi mòn, nhưng sau tất cả, người đọc không thể thoát khỏi cái cảm giác cô đơn và tuyệt vọng. Đó là sự cô đơn tuyệt vọng của người đang say hay là tình cảnh có thực của người đang tỉnh?

- Không gian nghĩa địa

Trong sáng tác của Lỗ Tấn, không gian nghĩa địa được hiện ra như là một nơi đầy tử khí, là tượng trưng cho kết cục bi thảm của bi kịch con người. Không gian nghĩa địa cũng luôn được Lỗ Tấn khắc họa hết sức nổi bật, ví dụ như trong “Thuốc”. Khi mua được “thuốc” - bánh bao thấm máu người về trị bệnh cho con trai mà không có hiệu quả, thần chết đã mang tiểu Hoa Thuyên đi như một tất yếu, thì cảnh tượng nghĩa địa cũng được hiện ra với một vẻ thô lương như nó phải có. “...có một con đường mòn cong vẹo ở giữa chia làm hai: Nghĩa địa tử tù và những người chết trong tù ở bên trái, nghĩa địa người nghèo phía bên phải. MỘ hai bên xếp chồng lên nhau, giống như bánh bao nhà giàu ngày chực thọt...không gian chung quanh đều lặng ngắt như cái chết.” Nghĩa địa, nơi tập trung bình đẳng của những người xa lìa cõi thế, vì thế, mới có cảnh mẹ của tiểu Hoa Thuyên gặp mẹ của Hạ Du tại đây, nơi mà những người chết trước nằm đợi người chết sau một cách lặng lẽ, giống như Hạ Du hi sinh trước, và rồi tiểu Hoa Thuyên cũng phải nằm xuống mộ. Do đó, xét theo góc độ nhất định, đây cũng là không gian có tính liên tục xuyên suốt trong tác phẩm, mang theo tính bi kịch mạnh mẽ. Hai con người kết thúc số phận theo hai cách khác nhau, nhưng khi ánh dương gian kết thúc với họ, thì đều nằm chung trong một không gian như thế “chỉ cách nhau có mỗi một lối đi nhỏ”. Là người cách mạng, Hạ Du gánh vác trọng trách cứu vớt những người dân dưới đáy xã hội như gia đình Hoa Thuyên, cha mẹ của tiểu Hoa Thuyên lại tin rằng, dùng máu của Hạ Du có thể chữa được bệnh cho con mình, và cuối cùng cả hai cùng xuống mộ. Cái kết cục bi thảm đó diễn ra tại không gian nghĩa địa như một hồi chuông cảnh báo về bi kịch của người cách mạng và sự ngu muội của quần chúng nhân dân trong xã hội đương thời, từ đó mang lại niềm hi vọng cải biến thế giới tinh thần mà họ đang có. Nghĩa địa trở thành đầu mối của sự miêu tả, là nơi đan xen và giao nhau giữa sự sống và cái chết, là nơi hội tụ hai bi kịch của hai kiếp người, hai số phận, trở thành không gian độc đáo có ý nghĩa phê phán, giá trị nghệ thuật và nhân văn sâu sắc.

3. KẾT LUẬN

Một trong những nét đặc sắc trong phong cách sáng tác của Lỗ Tấn là đã tạo ra một không gian nghệ thuật phản ánh chính xác hiện thực đương thời. Đây là một tập hợp của nhiều không gian riêng biệt. Bên cạnh không gian tự nhiên, sáng tác của Lỗ Tấn còn có không gian xã hội, kèm với nó là những đặc tả về nhân vật trong xã hội. Trong đa số các trường hợp, không gian trong sáng tác của Lỗ Tấn thường nặng nề, dài dằng dặc vì nó mang theo một nỗi mất mát không gì bù đắp nổi. Có khi không gian mang một màu sắc thẫm đẫm tư tưởng tông pháp phong kiến và những quan niệm ngu muội của người dân bị đè nén, bị áp bức và trở thành bi kịch đối với kiếp người. Ở đó, các nhân vật dường như đang “sống mòn”: Hoặc bị giam hãm, bó chặt, luẩn quẩn trong vòng những âu lo hàng ngày, hoặc bị hành hạ, bị giày vò, bị ám ảnh giữa quá khứ và hiện tại, hoặc bị điên loạn, bị giết chết trong một xã hội thối nát, bất công với sự biến dạng về nhân tính, hoặc bị mất phương hướng trước đêm đen trải dài tưởng như vô tận, hoặc lạnh lẽo cô đơn trước biển người với tâm hồn băng giá... Có thể thấy, không gian trong sáng tác Lỗ Tấn thường gây cảm giác lâu hơn, dài hơn so với thời gian khách quan vì nó luôn gắn liền với tâm trạng đau buồn và bi kịch của nhân vật, cũng như luôn gắn liền với bối cảnh tăm tối của xã hội. Tuy nhiên, không gian này có lúc cũng không hoàn toàn là u tối, giống như hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du trong tác phẩm “Thuốc”, đây là niềm tin, hi vọng thấp thoáng về tương lai cách mạng ẩn hiện trong những ngày đen tối. Vòng hoa đó chứng tỏ, dù Hạ Du bị xem là “kẻ phản động”, bị hành hình, gánh chịu sự ghê lạnh của quần chúng, nhưng vẫn còn có ai đó đang sống hiểu được nghĩa khí của anh. Cũng qua chi tiết này, dường như tác giả muốn chỉ ra, dù là hi vọng nhỏ, nhưng căn bệnh u mê trầm kha của quần chúng kia vẫn còn có thể chữa được. Có thể thấy, yếu tố lạc quan chủ nghĩa trong sáng tác này như thổi một luồng sinh khí mới vào nền văn học, là một đặc điểm có tính lịch sử độc đáo của xu hướng văn học hiện thực phê phán Trung Quốc thời hiện đại. Những tia sáng lạc quan ấy, nhìn chung, còn rất mong manh, chưa có cơ sở chắc chắn, tuy chưa thể xua tan không khí bi quan, âm đạm bao trùm trong toàn bộ sáng tác của nhà văn trong thời kỳ này, nhưng cũng đủ để nói lên tiếng nói mạnh mẽ “cất lên từ những kiếp lầm than” của trào lưu văn học hiện thực phê phán mới nổi lên, đóng góp không nhỏ vào thành tựu rực rỡ của văn học hiện đại trong dòng lịch sử văn học của dân tộc Trung Hoa./.

Chú thích:

1. Các trích dẫn từ tác phẩm của Lỗ Tấn là lời dịch từ nguyên tác của tác giả bài viết.

Tài liệu tham khảo:

1. 陈平原 (2003), 中国小说叙事模式的转变, 北京大学出版社, 北京。
2. 林非 (2000), 鲁迅和中国文化, 学苑出版社, 北京。
3. 钱理群 (1999), 走进当代的鲁迅, 北京大学出版社, 北京。
4. 吴中杰 (2006), 鲁迅的艺术世界, 复旦大学出版社, 上海。
5. 王付仁 (2006), 鲁迅研究的历史与现状, 福建教育出版社, 福州。
6. 杨义 (1998), 中国现代文学流派, 人民出版社, 北京, 第71页。
7. 张文诺 (2011), “鲁迅小说中的乡村空间想象”, 学术探索, 第8期。
8. 张志忠 (2013), “从鲁迅到莫言: 表述乡村”, 中国作家, 第4期。

THE ORIGINALITY OF ART SPACE IN LU XUN'S WORKS

DO TIEN QUAN

Abstract: In the writing career of Lu Xun, the sense of space is always associated with the sense of human, life and society, associated with dreams, ideals and realism that the writer has been following. The paper studies the art space in Lu Xun's works basing on two main categories of space that are the natural space and social space, clarifying the characteristics of social reality and the concept of the writer's contemporary life, thereby contributing to stand out the attraction of unique art with Lu Xun's writing style.

Keywords: art space, Lu Xun, works.